

Bản án số: 559/2018/DS-ST
Ngày: 31/10/2018
Về tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Trọng Thắng;
2. Ông Nguyễn Đình Rành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 345/2018/DSST ngày 13/9/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 319/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Tài chính T; địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, số 9 đường Đ, Phường 12, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đoàn Anh T, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 15/50 Đường số 8, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 1605/UQTA-VH.18 ngày 30/7/2018) (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 45/10 đường H, Khu phố 1, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Số 185 đường L, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/7/2018, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đoàn Anh T trình bày:

Ngày 04/4/2015, Công ty tài chính T – bên cho vay và bà Nguyễn Thị

Thanh N – bên vay, có ký giấy “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20150404-600170-0002 (sau đây gọi tắt là hợp đồng), theo đó các bên thỏa thuận như sau:

Công ty tài chính T đồng ý cho bà N vay số tiền là 43.258.996 đồng, trong đó phí bảo hiểm tiền vay là 2.255.208 đồng và khoản vay tiêu dùng là 41.003.788 đồng; lãi suất cho vay là 4.59%/tháng; mục đích vay là tiêu dùng cá nhân; trả góp (gốc, lãi) hàng tháng (kỳ), mỗi kỳ bà N có nghĩa vụ trả cho Công ty tài chính số tiền là 2.728.000 đồng/tháng; thời hạn vay là 29 tháng (29 kỳ), kỳ thanh toán đầu tiên từ ngày 07/5/2015, tổng số tiền bà N phải trả (gốc và lãi) là 79.110.000 đồng.

Nguyên đơn đã giải ngân đủ số tiền là 43.258.996 đồng cho bà N.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 19/11/2016 bà N đã thanh toán cho nguyên đơn được tổng số tiền là 51.856.000 đồng và ngưng không thanh toán. Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty tài chính T khởi kiện buộc bà N trả toàn bộ số tiền nợ còn lại của hợp đồng là:

- Nợ gốc: 21.489.361 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 5.764.639 đồng;
- Tổng cộng là: 27.254.000 đồng.

Yêu cầu trả khoản nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bà N trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 21.489.361 đồng và lãi trong hạn là 5.764.639 đồng, không yêu cầu tiền lãi chậm trả phát sinh sau ngày khởi kiện cho đến khi bị đơn trả hết nợ. Ngoài ra, ông xác định nguyên đơn cho cá nhân bà N vay nên chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân bà N có nghĩa vụ trả nợ.

Về vấn đề số tiền bảo hiểm 2.255.208 đồng, ông có ý kiến như sau: Trong quá trình thực hiện hợp đồng không phát sinh sự kiện bảo hiểm theo thỏa thuận tại văn bản “thông tin bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân” giữa Công ty V và bà N, mặt khác thời hạn thực hiện hợp đồng tín dụng đã hết, phía công ty bảo hiểm cũng không có ý kiến gì phản hồi với Công ty tài chính T. Do vậy, ông đề nghị không đưa Công ty V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi liên quan trong vụ án này.

Tại bản tự khai ngày 01/10/2018, các biên bản hòa giải ngày 01/10/2018 và ngày 08/10/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Bà thừa nhận có ký giấy “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20150404-600170-0002 ngày 04/4/2015 để vay của Công ty tài chính T số tiền là 43.258.996 đồng, trong đó phí bảo hiểm tiền vay là 2.255.208 đồng và khoản vay tiêu dùng là 41.003.788 đồng; lãi suất cho vay là 4.59%/tháng; mục đích vay là tiêu dùng cá nhân; trả góp (gốc, lãi) hàng tháng (kỳ), mỗi kỳ bà có nghĩa vụ trả cho công ty tài chính số tiền là 2.728.000 đồng/tháng; thời hạn vay là 29 tháng (29 kỳ), kỳ thanh toán đầu tiên từ ngày 07/5/2015. Công ty tài chính T đã giải ngân đủ số tiền là 43.258.996 đồng cho bà.

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà xác nhận còn nợ Công ty tài chính T số tiền là 27.254.000 đồng, trong đó: Nợ gốc là 21.489.361 đồng; nợ lãi trong hạn là 5.764.639 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà đề nghị trả dần khoản nợ, cụ thể mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Đồng thời, xác định đây là khoản nợ riêng của bà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty tài chính T có đại diện là ông Đoàn Anh T và bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 BLTTDS; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 BLTTDS; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS

Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy:

Căn cứ vào “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20150404-600170-0002 ngày 04/4/2015 được ký giữa Công ty tài chính T và bà Nguyễn Thị Thanh N có cơ sở xác định nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền là 43.258.996 đồng, trong đó phí bảo hiểm tiền vay là 2.255.208 đồng và khoản vay tiêu dùng là 41.003.788 đồng; lãi suất cho vay là 4.59%/tháng; mục đích vay là tiêu dùng cá nhân; trả góp (gốc, lãi) hàng tháng (kỳ), mỗi kỳ bà N có

nghĩa vụ trả số tiền là 2.728.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 79.110.000 đồng; thời hạn vay là 29 tháng (29 kỳ), kỳ thanh toán đầu tiên từ ngày 07/5/2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín đến ngày 19/11/2016 bà N đã thanh toán cho Công ty tài chính T được tổng số tiền là 51.856.000 đồng rồi không thanh toán nữa. Mặc dù, nguyên đơn đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bà N vẫn không thanh toán khoản nợ vay quá hạn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận đã ký kết tại hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà N cũng xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền là 27.254.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Về thời hạn trả nợ: Bị đơn đề nghị trả dần khoản nợ, cụ thể mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ là không có cơ sở do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ.

Đối với số tiền bảo hiểm 2.255.208 đồng do phía đại diện công ty tài chính có ý kiến: Trong quá trình thực hiện hợp đồng không phát sinh sự kiện bảo hiểm theo thỏa thuận tại văn bản “thông tin bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân” giữa Công ty V và bà N, mặt khác thời hạn thực hiện hợp đồng tín dụng đã hết, phía công ty bảo hiểm cũng không có ý kiến gì phản hồi với Công ty tài chính T. Đề nghị Tòa án không đưa Công ty V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi liên quan trong vụ án này nên Tòa án không xem xét giải quyết là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính T.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty tài chính T không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh N phải trả tiền lãi chậm trả cho Công ty tài chính T kể từ ngày khởi kiện cho đến khi bị đơn trả hết nợ.

Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nguyên đơn và bị đơn thì đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào kết quả xác minh tại Công an phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và lời trình bày của bị đơn thì bị đơn cư trú tại địa chỉ số 185 đường L, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; tuy nhiên đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đoàn Anh T và bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20150404-600170-0002 ngày 04/4/2015 được ký giữa Công ty tài chính T và bà Nguyễn Thị Thanh N, các chứng cứ khác có trong hồ sơ và lời thừa nhận của các đương sự, đã có đủ cơ sở để kết luận: Nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền là 43.258.996 đồng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất cho vay là 4.59%/tháng; bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền vay theo phương thức trả góp, mỗi tháng (kỳ) trả gốc và lãi là 2.728.000 đồng, trả vào ngày 07 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 5/2015, thời hạn vay là 29 tháng (29 kỳ), tổng số tiền (gốc và lãi) bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 79.110.000 đồng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền (gốc và lãi) là 51.856.000 đồng. Số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là: 27.254.000 đồng, trong đó, nợ gốc là 21.489.361 đồng và nợ lãi trong hạn là 5.764.639 đồng.

** Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 21.489.361 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Tại giấy “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20150404-600170-0002 ngày 04/4/2015, bản kế hoạch trả nợ và lời trình bày của bà N thì bà N xác nhận còn nợ công ty tài chính số tiền nợ gốc là 21.489.361 đồng

Căn cứ Khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay “bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”.

Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 24 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định nghĩa vụ của bên vay là: Trả nợ gốc và lãi vốn vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng

Từ ngày 19/11/2016 đến nay bà N không trả nợ cho nguyên đơn, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận các bên trong hợp đồng tín dụng, vi phạm Khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp

pháp của nguyên đơn. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc bà N trả số tiền nợ gốc là 21.489.361 đồng là có căn cứ chấp nhận.

** Đối với yêu cầu về tiền lãi trong hạn Hội đồng xét xử xét thấy:*

Tại Mục 2.2 Điều 2 của “đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20150404-600170-0002 ngày 04/4/2015, các bên thỏa thuận mức lãi suất cho vay là 4.59%/tháng, không thỏa thuận về lãi quá hạn, mỗi kỳ (tháng) bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn trả gốc và lãi là 2.728.000 đồng, tổng số tiền (gốc và lãi) là 79.110.000 đồng, bị đơn đã trả được 51.856.000 đồng, từ tháng 19/11/2018 bị đơn không trả nữa.

Tại Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Tại Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định: Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng.

Căn cứ vào lời trình bày của bị đơn về việc xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền lãi trong hạn là 5.764.639 đồng.

Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ lãi trong hạn: 5.764.639 đồng là có căn cứ.

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm trả kể từ ngày khởi kiện cho đến khi bị đơn trả hết nợ: Yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện và không trái với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

** Đối với đề nghị của nguyên đơn về việc không đưa Công ty V vào tham gia tố tụng Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ vào “đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20150404-600170-0002 ngày 04/4/2015 và bản “thông tin bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân”, có đủ cơ sở xác định bà N có tham gia bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân đối với khoản vay của bà N tại Công ty tài chính T.

Căn cứ vào bản “thông tin bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân” thì thời hạn bảo hiểm là từ 00 giờ 00 phút 00 giây ngày 04/4/2015 đến 23 giờ 59 phút 59 giây ngày 03/10/2016. Như vậy, thời hạn bảo hiểm đối khoản vay tín dụng trên của bà N đã hết.

Hơn nữa, trong suốt quá trình thực hiện thỏa thuận bảo hiểm tín dụng không phát sinh trách nhiệm bảo hiểm của bên nhận bảo hiểm. Do vậy, việc nguyên đơn đề nghị Tòa án không đưa Công ty V vào tham gia tố tụng là có căn cứ.

[3] Về thời hạn trả: Xét bà Nguyễn Thị Thanh N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo như thỏa thuận đã ký kết của các bên. Việc bị đơn yêu cầu trả dần số tiền còn nợ cụ thể mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ là không có cơ sở. Nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh N phải trả ngay sau khi bản án có hiệu

lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273; Điều 357 Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Áp dụng các Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005.

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

Về hình thức: Xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính T:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh N phải trả cho Công ty Tài chính T số tiền còn thiếu theo Giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150404-600170-0002 ngày 04/4/2015 là 27.254.000 (Hai mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi bốn ngàn) đồng, trong đó: Nợ gốc là 21.489.361 (Hai mươi một triệu, bốn trăm tám mươi chín ngàn, ba trăm sáu mươi một) đồng; nợ lãi là 5.764.639 (Năm triệu, bảy trăm sáu mươi bốn ngàn, sáu trăm ba mươi chín) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Tài chính T không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh N phải trả tiền lãi chậm trả cho Công ty Tài chính T kể từ ngày khởi kiện 30/7/2018 cho đến khi bị đơn trả hết nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh N chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.362.700 (một triệu, ba trăm sáu mươi hai ngàn, bảy trăm) đồng.

Hoàn trả Công ty Tài chính T số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 681.350 (Sáu trăm tám mươi một ngàn, ba trăm năm mươi) đồng, theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0026058 ngày 13/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (TK Thơm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Phương